



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I/2019
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.252.174.248.243	973.554.889.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.638.852.478	24.337.271.891
1. Tiền	111		12.638.852.478	24.337.271.891
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	10.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.156.548.779.878	846.822.737.614
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.002.126.680.845	732.715.666.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	159.188.191.102	112.327.218.292
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.892.453.322	18.675.606.238
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.658.545.391)	(16.895.753.291)
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	11	58.905.914.197	81.237.668.703
1. Hàng tồn kho	141		58.905.914.197	81.237.668.703
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.080.701.690	11.157.210.961
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	12.353.147.771	10.989.395.001
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.727.553.919	167.815.960
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		985.419.332.603	977.003.356.327
II. Tài sản cố định	220		343.682.950.954	344.657.180.234
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	254.958.048.222	255.358.780.153
- Nguyên giá	222		307.244.787.063	305.226.057.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.286.738.841)	(49.867.276.890)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	88.724.902.732	89.298.400.081
- Nguyên giá	228		89.347.927.909	89.347.927.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(623.025.177)	(49.527.828)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	3.123.715.222	2.993.965.222
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.123.715.222	2.993.965.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	329.585.288.980	330.064.637.803
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		107.503.161.280	107.373.624.546
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		233.503.969.597	234.503.969.597
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.421.841.897)	(11.812.956.340)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		309.027.377.447	299.287.573.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	301.224.414.807	299.287.573.068
2. Lợi thế thương mại	269		7.802.962.640	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.237.593.580.846	1.950.558.245.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.341.819.024.895	1.062.442.908.405
I. Nợ ngắn hạn	310		1.048.063.016.733	768.765.123.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	488.037.553.030	193.010.747.295
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	179.874.384.800	181.686.420.640
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.681.411.005	3.873.963.970
4. Phải trả người lao động	314		547.336.670	328.209.559
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		963.110.937	430.663.937
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		193.864.142	122.322.984
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	371.816.590.952	384.364.029.550
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.948.765.197	4.948.765.197
II. Nợ dài hạn	330		293.756.008.162	293.677.785.273
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	289.603.800.000	289.603.800.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	.b	4.152.208.162	4.073.985.273
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		895.774.555.951	888.115.337.091
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	895.774.555.951	888.115.337.091
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.761.921.400	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		191.807.236.566	186.277.279.890
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		186.590.171.444	126.972.001.096
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.217.065.122	59.305.278.794
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.155.217.985	2.025.955.801
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.237.593.580.846	1.950.558.245.496

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

MÃ SỐ B-02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019		Quý I/2018		Lũy kế đến hết Quý I/2018	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	446.382.098.335	446.382.098.335	565.897.602.694	565.897.602.694	565.897.602.694	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		446.382.098.335	446.382.098.335	565.897.602.694	565.897.602.694	565.897.602.694	
4. Giá vốn hàng bán	11	24	431.296.346.812	431.296.346.812	542.087.787.979	542.087.787.979	542.087.787.979	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.085.751.523	15.085.751.523	23.809.814.715	23.809.814.715	23.809.814.715	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.453.397.945	11.453.397.945	595.470.645	595.470.645	595.470.645	
7. Chi phí tài chính	22	26	9.223.484.157	9.223.484.157	3.434.027.360	3.434.027.360	3.434.027.360	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.699.511.252	8.699.511.252	10.763.704.795	10.763.704.795	10.763.704.795	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		129.536.734	129.536.734	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	27	6.501.887.554	6.501.887.554	5.367.187.189	5.367.187.189	5.367.187.189	
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	3.917.329.113	3.917.329.113	2.177.251.639	2.177.251.639	2.177.251.639	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		7.025.985.378	7.025.985.378	13.426.819.172	13.426.819.172	13.426.819.172	
12. Thu nhập khác	31		1.286.398.638	1.286.398.638	24.987.875	24.987.875	24.987.875	
13. Chi phí khác	32		1.848.775.263	1.848.775.263	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(562.376.625)	(562.376.625)	12.987.875	12.987.875	12.987.875	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.463.608.753	6.463.608.753	13.439.807.047	13.439.807.047	13.439.807.047	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019		Quý I/2018		Lũy kế đến hết Quý I/2018	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	1.614.456.396	1.614.456.396	2.692.464.909	2.692.464.909	2.692.464.909	
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.849.152.357	4.849.152.357	10.747.342.138	10.747.342.138	10.747.342.138	
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.217.065.122	5.217.065.122	10.747.342.138	10.747.342.138	10.747.342.138	
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(367.912.765)	(367.912.765)	-	-	-	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30		70			155	



(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

5
308
CỔ PHẦN
P. KH
B. H
P. H

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019	Quý I/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.463.608.753	13.439.807.047
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.001.071.883	4.893.676.390
- Các khoản dự phòng	03		(237.207.900)	(7.842.655.800)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		411.799	(292.607.201)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(156.228.279)	(251.470.752)
- Chi phí lãi vay	06		8.699.511.252	10.763.704.795
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.771.167.508	20.710.454.479
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(310.157.651.212)	22.468.464.239
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.331.754.506	27.772.581.106
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		293.689.800.284	18.755.449.906
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.300.594.509)	(4.829.054.317)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.699.511.252)	(10.736.492.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.458.924.481)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.176.040.844	74.141.403.308
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.400.078.020)	(1.226.409.071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.272.727.273	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.075.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.800.000.000)	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		209.500.887	454.558.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.717.849.860)	9.303.149.654

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019	Quý I/2018
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.910.240.000	17.559.653.757
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.066.438.598)	(130.889.524.222)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(8.156.198.598)</i>	<i>(113.329.870.465)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.698.007.614)	(29.885.317.503)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.337.271.891	64.283.124.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(411.799)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>12.638.852.478</u>	<u>34.397.807.327</u>


Nguyễn Thị Thùy
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 Công ty

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát	Hải Phòng	99,00%	99,00%	Sản xuất phân bón
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ cảng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2019 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Thương mại hóa chất sản xuất phân bón

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó..

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.589.457.413	1.333.991.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.049.395.065	23.003.280.229
	12.638.852.478	24.337.271.891

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	107.503.161.280	105.881.626.363	107.373.624.546
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	107.503.161.280	105.881.626.363	107.373.624.546
Đầu tư vào đơn vị khác	233.503.969.597	222.082.127.700	234.503.969.597	222.691.013.257
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	-	-	1.000.000.000	608.885.557
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	222.082.127.700	233.503.969.597	222.082.127.700
	339.385.595.960	329.585.288.980	340.385.595.960	330.064.637.803
				(11.812.956.340)
				(391.114.443)
				(11.421.841.897)
				(11.812.956.340)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	119.383.471.590	96.304.016.189
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	141.040.914.588	141.040.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	391.342.962.349	183.984.157.749
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	253.244.454.791	192.700.798.791
Công ty SW Intertrade Trading	38.726.712.365	51.950.867.729
Các khoản phải thu khách hàng khác	58.388.165.162	66.734.911.329
	1.002.126.680.845	732.715.666.375

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	39.744.933.691	-	59.765.883.691	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	-	-	13.261.000.000	-
Công ty CP đầu tư AFC	24.185.191.002	-	-	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất phân bón Lào Cai	56.680.000.000	-	-	-
Trả trước khác	38.578.066.409	-	39.300.334.601	-
	159.188.191.102	-	112.327.218.292	-

9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	590.915.494	-	437.299.058	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.229.965	-	-	-
Tạm ứng	273.131.217	-	443.242.534	-
Ký cược, ký quỹ	9.513.800.000	-	17.562.088.000	-
Phải thu khác	1.513.376.646	-	232.976.646	-
	11.892.453.322	-	18.675.606.238	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

10 . NỢ XẤU

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Công ty Cổ phần DAP2-Vinachem</i>	24.979.252.490	12.489.626.245	24.979.252.490	12.489.626.245
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm</i>	4.465.825.912	2.232.912.956	4.540.241.712	2.270.120.856
<i>Đối tượng khác</i>	3.870.686.455	1.934.680.266	4.270.686.455	2.134.680.266
	33.315.764.857	16.657.219.467	33.790.180.657	12.489.626.245

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.925.774.078	-	19.705.961.678	-
Công cụ, dụng cụ	208.741.946	-	140.348.678	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.571.955.160	-	6.143.272.198	-
Thành phẩm	24.496.390.661	-	30.863.582.167	-
Hàng hoá	7.703.052.352	-	24.384.503.982	-
	58.905.914.197	-	81.237.668.703	-

12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.123.715.222	2.993.965.222
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	2.254.853.040	2.125.103.040
	3.123.715.222	2.993.965.222

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2019	204.998.661.033	69.290.112.891	26.944.195.481	3.993.087.638	-	-	-	-	-	-	305.226.057.043
Mua sắm	-	-	3.991.826.091	105.620.000	-	-	-	-	-	-	4.097.446.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	302.631.929	-	-	-	-	-	-	-	-	-	302.631.929
Tăng khác	72.912.000	-	-	46.500.000	-	-	-	-	-	-	119.412.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.500.760.000)	-	-	-	-	-	-	-	(2.500.760.000)
Tại ngày 31/03/2019	205.374.204.962	69.290.112.891	28.435.261.572	4.145.207.638	-	-	-	-	-	-	307.244.787.063
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2019	30.957.893.518	9.158.479.862	8.289.280.105	1.461.623.405	-	-	-	-	-	-	49.867.276.890
Trích khấu hao	2.896.680.461	10.710.825	453.259.374	66.923.874	-	-	-	-	-	-	3.427.574.534
Tăng khác	7.956.684	-	-	5.074.416	-	-	-	-	-	-	13.031.100
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.021.143.683)	-	-	-	-	-	-	-	(1.021.143.683)
Tại ngày 31/03/2019	33.862.530.663	9.169.190.687	7.721.395.796	1.533.621.695	-	-	-	-	-	-	52.286.738.841
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2019	174.040.767.515	60.131.633.029	18.654.915.376	2.531.464.233	-	-	-	-	-	-	255.358.780.153
Tại ngày 31/03/2019	171.511.674.299	60.120.922.204	20.713.865.776	2.611.585.943	-	-	-	-	-	-	254.958.048.222

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	89.347.927.909
Tại ngày 31/03/2019	89.347.927.909
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2019	49.527.828
Trích khấu hao	573.497.349
Tại ngày 31/03/2019	623.025.177
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2019	89.298.400.081
Tại ngày 31/03/2019	88.724.902.732

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.712.301.024	7.770.752.676
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	137.175.480	137.175.480
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.629.507.712	2.287.292.583
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	874.163.555	794.174.262
	12.353.147.771	10.989.395.001
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	281.054.704.542	280.063.064.273
Chi phí thuê đất tại Thủy Nguyên, Hải Phòng	6.621.555.172	6.621.555.172
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	8.349.134.014	8.421.969.494
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.235.058.612	1.700.044.096
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.751.798.149	1.482.920.206
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.212.164.318	998.019.827
	301.224.414.807	299.287.573.068

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	7.802.962.640	-
	7.802.962.640	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

17 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	166.217.472.567	166.217.472.567	159.911.682.567	159.911.682.567
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	286.450.000.000	286.450.000.000	-	-
Fagro International Trading Fze	9.724.686.890	9.724.686.890	12.357.170.476	12.357.170.476
Các khoản phải trả khác	25.645.393.573	25.645.393.573	20.741.894.252	20.741.894.252
	488.037.553.030	488.037.553.030	193.010.747.295	193.010.747.295

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Bùi Tố Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) ⁽¹⁾	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	94.000.000.000	94.000.000.000
Phải thu khác	362.684.800	2.174.720.640
	179.874.384.800	181.686.420.640

- (1) Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03-2017/HĐ-ĐC ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân Ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa 2 bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	69.788.679	-	69.788.679	-	69.788.679	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	345.289.341	1.789.373.669	1.789.373.669	2.134.663.010	2.134.663.010	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.458.885.950	1.614.456.396	1.614.456.396	3.458.924.481	3.458.924.481	-	-	1.614.417.865	1.614.417.865
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	80.040.078	80.040.078	13.046.938	13.046.938	-	-	66.993.140	66.993.140
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	506.880.000	506.880.000	506.880.000	506.880.000	-	-	-	-
	-	3.873.963.970	3.990.750.143	3.990.750.143	6.183.303.108	6.183.303.108	-	-	1.681.411.005	1.681.411.005

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

MÃ SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	359.962.989.550	359.962.989.550	2.519.000.000	10.675.198.598	351.806.790.952	351.806.790.952
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức ⁽¹⁾	185.800.000.000	185.800.000.000	-	7.000.000.000	178.800.000.000	178.800.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng ⁽²⁾	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Hải Phòng	-	-	510.000.000	510.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng ⁽³⁾	49.500.000.000	49.500.000.000	-	-	49.500.000.000	49.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tpbank - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	2.009.000.000	33.583.333	1.975.416.667	1.975.416.667
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng	2.966.400.000	2.966.400.000	-	1.437.900.000	1.528.500.000	1.528.500.000
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn ⁽⁶⁾	1.696.589.550	1.696.589.550	-	1.693.715.265	2.874.285	2.874.285
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	24.401.040.000	24.401.040.000	-	4.391.240.000	20.009.800.000	20.009.800.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	-	3.980.000.000	19.900.000.000	19.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	146.400.000	146.400.000	-	36.600.000	109.800.000	109.800.000
	384.364.029.550	384.364.029.550	2.519.000.000	15.066.438.598	371.816.590.952	371.816.590.952

G-TP. 23/730 NG T PHẢ HẬP VG B

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn ⁽⁶⁾	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁷⁾	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽⁸⁾	149.420.000.000	149.420.000.000	-	-	149.420.000.000	149.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng ⁽⁹⁾	183.800.000	183.800.000	-	-	183.800.000	183.800.000
	289.603.800.000	289.603.800.000	-	-	289.603.800.000	289.603.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019**MÃ SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019						
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	186.277.279.890	2.025.955.801	888.115.337.091
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	2.497.174.949	2.497.174.949
Lãi trong kỳ này	-	-	-	5.217.065.122	(367.912.765)	4.849.152.357
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	-	-	312.891.554	-	312.891.554
Tại ngày 31/03/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	191.807.236.566	4.155.217.985	895.774.555.951

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/03/2019	01/01/2019	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
	VND	VND	(%)	(%)
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	50.000.000.000	7,21%	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	92.005.790.000	13,27%	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	551.293.490.000	79,52%	79,52%
	693.299.280.000	693.299.280.000	100%	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	442.606.355.466	546.384.001.068
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.775.742.869	19.513.601.626
	446.382.098.335	565.897.602.694

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	425.376.101.266	524.650.420.268
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.920.245.546	17.437.367.711
	431.296.346.812	542.087.787.979

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	363.117.323	251.470.752
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.856.637.523	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	233.643.099	51.392.692
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	292.607.201
	11.453.397.945	595.470.645

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.699.511.252	10.763.704.795
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	119.648.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	523.561.106	393.330.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	411.799	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	-	(7.842.655.800)
	9.223.484.157	3.434.027.360

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	213.673.977
Chi phí nhân công	130.650.447	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.341.657	81.865.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.303.895.450	5.071.647.907
	6.501.887.554	5.367.187.189

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.186.086	55.314.579
Chi phí nhân công	2.144.437.054	957.361.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	801.983.666	213.680.451
Thuế, phí, lệ phí	43.141.435	4.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(237.207.900)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.306.158	855.708.707
Chi phí khác bằng tiền	437.482.614	91.186.014
	3.917.329.113	2.177.251.639

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.849.152.357	10.747.342.138
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.849.152.357	10.747.342.138
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	155

07308
 NG TY
 PHÂN
 IẬP KH
 G BÌNH
 .TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu trên là số liệu riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình và chưa được xét đến những điều chỉnh liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính từ Công ty liên doanh, liên kết, Công ty con.

Nguyễn Thị Thùy
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số:0204/2019/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

*****o0o*****

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất quý I/2019 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD hợp nhất của Công ty đạt 4,849 tỷ đồng. Tại thời điểm quý I/2018, công ty không có công ty con nên không thực hiện BCTC hợp nhất, chỉ có số liệu tổng lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng. Bởi vậy, số liệu trên BCTC hợp nhất quý I/2019 không có giá trị để so sánh với số liệu trên BCTC quý I/2018.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh hợp nhất của quý I/2019 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hương